TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 - 2018.
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhân Phái.

2. Ông Lê Công Pháp.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thanh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ch, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/6/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H trình bày:***

Chị H và anh Trần Ch có tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau rồi tổ chức đám hỏi, đám cưới theo tập quán địa phương; sau đó hai người tự nguyện chung sống với

nhau từ năm 1992 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do nguyên nhân anh Ch không quan tâm chăm sóc gia đình, hay ghen tuông, nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ tháng 02/2018, chị H và anh Ch sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Trần Ch nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân với anh Ch theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Ch có 04 người con chung là Trần Thị Diễm Ph, sinh năm 1993; Trần Thị L (tức Trần Thị Hoài L), sinh năm 1995; Trần Xuân V, sinh ngày 24/3/2001; Trần Thị Hoài Tr, sinh ngày 16/11/2007. Đối với 02 người con Trần Thị Diễm Ph, Trần Thị L đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Đối với 02 người con chung Trần Xuân V, Trần Thị Hoài Tr dưới 18 tuổi đang sống với chị H, thì chị H yêu cầu giao cháu V, cháu Tr cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và chị H yêu cầu anh Trần Ch cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng (tức 2.000.000 đồng/2 con/1 tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Thanh H trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị H đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn xin xác nhận (về việc không đăng ký kết hôn); Bản sao sổ hộ khẩu gia đình; bản sao chứng minh nhân dân Trương Thị Thanh H; Bản sao trích lục khai sinh Trần Thị Diễm Ph; Bản sao trích lục khai sinh Trần Thị L; bản sao giấy khai sinh Trần Xuân V, Trần Thị Hoài Tr.

**** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ch trình bày:***

Về quá trình tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng và quá trình chung sống như chị Trương Thị Thanh H đã trình bày là đúng. Về nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày thì anh Trần Ch cũng thừa nhận quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau. Theo anh Ch thì nguyên nhân do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay anh Ch và chị H sống ly thân, chị H không còn quan tâm, chăm sóc gia đình, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay anh Ch vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H, nhưng chị H cương quyết muốn Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân với anh Ch, thì anh Ch cũng đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Trần Ch cũng thừa nhận vợ chồng có 04 người con chung là Trần Thị Diễm Ph, sinh năm 1993 (đã kết hôn); Trần Thị L (tức Trần Thị Hoài L), sinh năm 1995, đã kết hôn; Trần Xuân V, sinh ngày 24/3/2001; Trần Thị Hoài Tr, sinh ngày 16/11/2007. Chị Trương Thị Thanh H yêu cầu giao 02 người con chung Trần Xuân V, Trần Thị Hoài Tr cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu anh Trần

Ch cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng (tức 2.000.000 đồng/2 con/1 tháng), thì anh Ch cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với đơn của chị Trương Thị Thanh H thể hiện:***

Xác nhận qua kiểm tra hồ sơ lưu đăng ký kết hôn của ông Trần Ch và bà Trương Thị Thanh H lưu tại Ủy ban nhân dân xã S từ năm 1992 đến năm 1999, không thể hiện ông Trần Ch và bà Trương Thị Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa***:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Ch chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị Thanh H và anhTrần Ch là vợ chồng.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung chưa thành niên Trần Xuân V, sinh ngày 24/3/2001 và Trần Thị Hoài Tr, sinh ngày 16/11/2007 cho chị Trương Thị Thanh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Trần Ch cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng (tức 2.000.000 đồng/2 con/1 tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Ch phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng dân sự: Chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Ch đều đăng ký hộ khẩu tại thôn X, xã S, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị H có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh Ch, thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa của Tòa án, chị Trương Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Ch mặc dù có quá trình tìm hiểu và chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1992, có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị H, anh Ch không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Ch là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: "…4. Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình".

Xét về quá trình chung sống giữa chị H và anh Ch đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm, không tin tưởng nhau, chị H và anh Ch đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Đây là những hành vi vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thanh H.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Ch đều thừa nhận 02 người con chung Trần Thị Diễm Ph, sinh năm 1993; Trần Thị L (tức Trần Thị Hoài L), sinh năm 1995, đều đã kết hôn; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với 02 người con chung Trần Xuân V, sinh ngày 24/3/2001 và Trần Thị Hoài Tr, sinh ngày 16/11/2007 hiện đang sống với chị H và đều có nguyện vọng muốn

sống với mẹ (chị H), nên cần giao 02 người con chung Trần Xuân V, Trần Thị Hoài Tr cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Trần Ch cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng (tức 2.000.000 đồng/2 con/1 tháng).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Thanh H, anh Trần Ch đều trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thanh H, anh Trần Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Thanh H và anh Trần Ch.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung Trần Xuân V, sinh ngày 24/3/2001 và Trần Thị Hoài Tr, sinh ngày 16/11/2007 cho chị Trương Thị Thanh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Ch cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 con/1 tháng (tức 2.000.000 đồng/2 con/1 tháng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi những người con chung Trần Xuân V, Trần Thị Hoài Tr đủ 18 tuổi.

Anh Trần Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Trương Thị Thanh H, anh Trần Ch đều trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục II phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006321, ngày 04/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Ch phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con có định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Trần Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị Trương Thị Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã S,
huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Ngọc Tú